

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 6 - 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự hui và hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 13, 20, 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà L có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp (đại diện theo ủy quyền) của bà Nguyễn Thị L: Ông Trần Văn B, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chứng thực số 132 ngày 16/6/2025). Ông B có mặt tại phiên tòa ngày 25/6/2025.

2/ Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà C có mặt tại phiên tòa.

3/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số E, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà T có mặt tại phiên tòa.

4/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà Đ có mặt tại phiên tòa.

5/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Ông T1 có mặt tại phiên tòa.

6/ Bà Lương Thị H, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà H có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp (đại diện theo ủy quyền) của bà Lương Thị H: Chị Nguyễn Thị Kiều O, Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị O có mặt tại phiên tòa ngày 13/6/2025.

7/ Chị Bùi Thị Ú, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị Ú có mặt tại phiên tòa.

8/ Bà Lê Thị Kim D, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà D có mặt tại phiên tòa.

9/ Bà Lê Thị Ánh T2, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà T2 có mặt tại phiên tòa.

10/ Bà Lê Thị Bé N, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà N có mặt tại phiên tòa tại 13/6/2025, vắng mặt ngày 20 và 25/6/2025.

11/ Bà Thái Thị Thu V, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Bà V có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Thái Thị L1 (tên thường gọi 7 H1), sinh năm; 1972; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị L1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị L, người đại diện hợp pháp của bà L trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023 bà L có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà L và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà L số tiền 70.000.000 đồng. Ngoài ra, cả hai đều cho rằng bà L đã đóng cho bà L1 07 lần đóng hụi sống trong dây hụi 1.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, bà L xác định đã đóng cho bà L1 4.200.000 đồng/ 07 lần hụi sống. Bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim

L1 trả cho bà L số tiền nợ trong các dây hụi là 74.200.000 đồng (T3 mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023 bà C có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà C và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà C số tiền 24.000.000 đồng. Ngoài ra, cả hai đều thống nhất bà C đã đóng hụi sống cho bà L1 trong một số dây hụi đã ngưng giữa chừng.

Tại phiên tòa, bà C xác định đã đóng cho bà L1: 04 lần hụi sống trong dây hụi 3.000.000 đồng/ 03 tháng số tiền 8.000.000 đồng; 03 lần hụi sống trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng số tiền là 5.000.000 đồng; 04 lần hụi sống trong dây hụi 1.000.000 đồng/tháng số tiền là 3.700.000 đồng; 16 lần hụi sống trong dây hụi 300.000 đồng/tuần số tiền là 3.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi sống mà bà C đã đóng cho bà L1 là 20.000.000 đồng.

Nay bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà C yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà C số tiền nợ trong các dây hụi là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023, bà T có cho bị đơn bà Thái Thị L1 vay tiền và có tham gia các dây hụi do bà L1 làm chủ hụi. Giữa bà T và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ vay và nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà T số tiền nợ vay là 10.000.000 đồng và 18.000.000 đồng tiền nợ hụi. Ngoài ra, cả hai đều thống nhất bà T đã đóng cho bà L1 21 lần hụi sống trên 02 phần chơi trong dây hụi 300.000 đồng/tuần, bà T cho rằng đã đóng số tiền là 9.660.000 đồng. Tổng cộng bà L1 còn nợ bà T (bao gồm nợ hụi và nợ vay) là 37.660.000 đồng.

Nay bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà T số tiền nợ hụi và nợ vay là 37.660.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Đ trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023 bà Đ có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà Đ và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà Đ số tiền nợ hụi tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà Đ số tiền nợ hụi và nợ vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn T1 trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023 ông T1 có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa ông T1 và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ ông T1 số tiền 10.400.000 đồng. Ngoài ra, cả hai đều thống nhất ông T1 đã đóng hụi sống cho bà L1 trong một số dây hụi đã ngưng giữa chừng.

Tại phiên tòa, ông T1 xác định đã đóng cho bà L1 tổng cộng: 16 lần hụi sống trên 02 phần chơi trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng số tiền 38.200.000 đồng; 07 lần hụi sống trong dây hụi 1.000.000 đồng/tháng số tiền là 8.400.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi sống mà ông T1 đã đóng cho bà L1 là 46.600.000 đồng.

Nay ông T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T1 yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho ông T1 số tiền nợ trong các dây hụi là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lương Thị H và người đại diện hợp pháp của bà H trình bày:

Nguyên vào năm 2020 bà H có tham gia 01 dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà H và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà H số tiền 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà H số tiền nợ hụi là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Thị Ú trình bày:

Năm 2021 bà Bùi Thị Ú có tham gia 01 dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà Ú và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà Ú số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Ú thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Ú yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà Ú số tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Kim D trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2023 bà D có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà D và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà D số tiền 75.500.000 đồng. Ngoài ra, cả hai đều thống nhất bà D đã đóng hụi sống cho bà L1 trong một số dây hụi đã ngưng giữa chừng.

Tại phiên tòa, bà D xác định đã đóng cho bà L1 tổng cộng: 04 lần hụi sống trên 02 phần chơi trong dây hụi 5.000.000 đồng/ 3 tháng số tiền 30.000.000 đồng; 04 lần hụi sống trong dây hụi 3.000.000 đồng/tháng số tiền là 7.500.000 đồng; 08 lần hụi sống trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng số tiền là 12.000.000 đồng; 07 lần hụi sống trong dây hụi 1.000.000 đồng/tháng số tiền là 4.000.000 đồng; 16 lần hụi sống trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng số tiền là 25.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi sống mà bà D đã đóng cho bà L1 là 78.500.000 đồng.

Nay bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà D yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà D số tiền nợ trong các dây hụi là 154.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Ánh T2 trình bày:

Nguyên vào năm 2020 đến năm 2021 bà T2 có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi.

- Dây hụi thứ nhất 3.000.000 đồng, 1 năm khui 04 lần, khui lần đầu ngày 20/02/2021 âm lịch, bà T2 tham gia 01 phần, gồm 13 hụi viên bao gồm nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C. Dây hụi này bà T2 và bà C thống nhất đã đóng cho bà L1 số tiền 24.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai 3.000.000 đồng 1 năm khui 04 lần, khui lần đầu ngày 30/04/2020 âm lịch, bà T2 tham gia 01 phần, gồm 12 hụi viên. Hụi khui từ lần đầu đến lần thứ 11 bà T2 đều đóng đủ tiền cho bà L1 để thực hiện nghĩa vụ của hụi viên, nhận tiền khi bà T2 giao hụi là bà L1 nhận của bà T2. Đến lần khui hụi chót là lần thứ 12 bà T2 kêu hốt hụi, tuy nhiên bà L1 không giao tiền hụi mà bà T2 được hốt. Vậy tại dây hụi này bà L1 còn nợ bà T2 số tiền là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bà T2 xác định bà L1 còn nợ bà T2 số tiền hụi tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Bà T2 yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị L1 trả số tiền hụi tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa bà T2 rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà T2 rút yêu cầu đối với dây hụi thứ hai 3.000.000 đồng 1 năm khui 04 lần, khui lần đầu ngày 30/04/2020 âm lịch. Riêng đối với dây hụi còn lại bà T2 cũng thay đổi yêu cầu, bà T2 yêu cầu bà L1 trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Bé N trình bày:

Nguyên vào năm 2021 chị B N có tham gia 01 dây hụi do bà L1 làm chủ hụi, hụi 1.000.000 đồng, hụi có hoa hồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, khui lần đầu ngày 15/02/2021 âm lịch, chị Bé N tham gia 01 phần, gồm 32 hụi viên. Hụi khui từ lần đầu đến lần thứ 27 chị Bé N đều đóng đủ tiền cho bà L1 để thực hiện nghĩa vụ của hụi viên. Đến lần khui hụi thứ 28 thì bà L1 ngưng hụi vì bà L1 cho rằng bể hụi. Vậy tại dây hụi này bà L1 còn nợ chị B N số tiền là 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án chị B N yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị L1 trả cho chị B N số tiền nợ hụi là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa bà N có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Thái Thị Thu V trình bày:

Từ năm 2022 đến năm 2023 bà V có tham gia các dây hụi do bị đơn bà Thái Thị L1 làm chủ hụi. Giữa bà V và bà L1 đã tổng kết số tiền nợ hụi, cả hai thống nhất đến ngày 31/01/2024 bà L1 còn nợ bà V số tiền 2.500.000 đồng. Ngoài ra, cả hai đều thống nhất bà V đã đóng hụi sống cho bà L1 trong một số dây hụi đã ngưng giữa chừng.

Tại phiên tòa, bà V xác định đã đóng cho bà L1 tổng cộng: 11 lần hụi sống trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng số tiền 14.000.000 đồng; 03 lần hụi sống trong dây hụi 1.000.000 đồng/tháng số tiền là 2.100.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi sống mà bà V đã đóng cho bà L1 là 16.100.000 đồng.

Nay bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà V yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị Kim L1 trả cho bà V số tiền nợ trong các dây hụi là 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Theo Biên bản đối chất ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, bị đơn bà Thái Thị L1 có trình bày ý kiến:

Bà L1 thừa nhận mình có làm chủ nhiều dây hụi như các nguyên đơn trình bày, tại phiên đối chất bà L1 cũng thống nhất số tiền nợ hụi và số lần đóng hụi sống đối với các dây hụi bể của các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T1, Lương Thị H, Bùi Thị Ú, Lê Thị Kim D, Thái Thị Thu V có mặt tại buổi đối chất, đối với các dây hụi bể bà L1 chỉ nhớ số lần đóng, không nhớ rõ số tiền các nguyên đơn đã đóng hụi cho mình.

Bà L1 đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trong vụ án, và vắng mặt tại phiên tòa, không

rõ lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ; Điều 471 Bộ luật dân sự: Điều 244 BLTTDS: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé N; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh T2; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T1, Lương Thị H, Bùi Thị Ú, Lê Thị Kim D, Lê Thị Ánh T2, Thái Thị Thu V về việc yêu cầu bà Thái Thị L1 trả số tiền nợ hui còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui và nợ vay. Từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự hui và hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là bà Thái Thị L1 có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Thái Thị L1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng bà L1 vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Ánh T2 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hui 3.000.000 đồng, 01 năm khai 04 lần, khai lần đầu ngày 30/04/2020 âm lịch; Và nguyên đơn bà Lê Thị Bé N cũng có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Xét việc nguyên đơn Lê Thị Ánh T2 rút một phần yêu cầu khởi kiện và nguyên đơn Lê Thị Bé N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà T2 trong dây hui 3.000.000 đồng, 01 năm khai 04 lần, khai lần đầu ngày 30/04/2020 âm

lịch; và đình chỉ toàn bộ yêu cầu của chị N là tuân thủ nguyên tắc đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T1, Bùi Thị Ú, Lê Thị Kim D, Lê Thị Ánh T2, Thái Thị Thu V đều thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện để giảm số tiền yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ hui, nhằm phù hợp với số tiền các nguyên đơn đã đóng hui trong các dây hui bể. Việc thay đổi yêu cầu này của các nguyên đơn vẫn thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận việc thay đổi của các nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, các nguyên đơn tranh chấp với bị đơn nhiều dây hui, ngoài ra nguyên đơn bà Nguyễn Thị T còn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay. Tất cả các dây hui, phần nợ hui, nợ vay theo yêu cầu của các nguyên đơn đều được bị đơn thừa nhận theo Biên bản đối chất ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò. Từ đó cho thấy:

[2.1] Về việc thỏa thuận tham gia chơi hui giữa các nguyên đơn và bị đơn Thái Thị L1 được thể hiện bằng các Danh sách ghi chép tên các hui viên tham gia hui do bị đơn làm chủ; cũng như thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn là bà T với bị đơn là bà L1 đều phù hợp với lời khai của các bên cho thấy sự việc giao kết các hợp đồng hui, hợp đồng vay giữa các nguyên đơn và bị đơn là đúng như lời trình bày của phía các nguyên đơn.

[2.2] Về hiệu lực của các hợp đồng vay, hui đã giao kết.

Khi các nguyên đơn và bị đơn giao kết các hợp đồng hui, hợp đồng vay này đều đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Mục đích việc chơi hui, vay tiền để hùn vốn làm ăn, cho thấy mục đích, nội dung của giao dịch dân sự nêu trên không vi phạm điều cấm của luật cũng như không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng được các bên tự nguyện tham gia đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, nên được công nhận và pháp luật bảo vệ.

[2.3] Về nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng hui, hợp đồng vay

Các nguyên đơn xác định bị đơn là bà L1 có làm chủ các dây hui do các nguyên đơn tham gia. Có những phần hui bị đơn đã kết thúc, bị đơn đã chốt số tiền thiếu các nguyên đơn, có những phần hui bị đơn ngưng khai khi chưa hoàn thành (hui bể), bị đơn thừa nhận có thu hui của các nguyên đơn đối với các dây hui và số lần như biên bản đối chất đã thể hiện.

Bị đơn không nhớ rõ số tiền đã thu, các nguyên đơn cung cấp tổng số tiền các lần thu trên cơ sở nhỏ hơn giá trị phần hui nhân lên số lần. Lời khai của các nguyên đơn cùng chơi trong một dây hui là thống nhất từ đó có cơ sở xác định số tiền đã đóng hui bể mà các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại là phù hợp nên chấp nhận. Riêng phần tiền vay giữa nguyên đơn tên Nguyễn Thị T là 10.000.000 đồng được bị đơn thừa nhận nên xác định là có cơ sở.

[2.4] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Yêu cầu của các nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với biên bản đối chất được bị đơn thừa nhận nên việc các nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà L1 phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hui, nợ vay như trên là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

Do các nguyên đơn không yêu cầu nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền nợ hui, nợ vay này cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên không xem xét.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần nghĩa vụ thực hiện theo yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn. Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Do phần nghĩa vụ của bị đơn là phần nghĩa vụ trong hợp đồng không có thỏa thuận về việc trả lãi nên nghĩa vụ chậm thi hành án trên số tiền còn phải thi hành án của người phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại cả điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, Điều 17, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí; điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé N.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ánh T2, cụ thể, đình chỉ phần yêu cầu bà L1 trả 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) tiền nợ hui trong dây hui 3.000.000 đồng, 01 (một) năm khai 04 lần, khai lần đầu ngày 30/04/2020 âm lịch.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn

T1, bà Lương Thị H, chị Bùi Thị Ú, bà Lê Thị Kim D, chị Lê Thị Ánh T2, bà Thái Thị Thu V.

3.1. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hui là 74.200.000 đồng (T3 mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

3.2. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền nợ hui là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

3.3. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hui và nợ vay là 37.660.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

3.4. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ hui là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

3.5. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền nợ hui là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

3.6. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Lương Thị H số tiền nợ hui là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3.7. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Bùi Thị Ú số tiền nợ hui là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3.8. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Lê Thị Kim D số tiền nợ hui là 154.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu đồng).

3.9. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Lê Thị Anh T5 số tiền nợ hui là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

3.10. Buộc bị đơn bà Thái Thị L1 trả cho bà Thái Thị Thu V số tiền nợ hui là 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị L1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.889.000 đồng (Mười hai triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Bà L1 chưa nộp.

Các nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.118.000 đồng (Hai triệu, một trăm mười tám nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003511, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.270.000 đồng (Một triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003527, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.090.000 đồng (Một triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003523, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu, chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003518, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.210.000 đồng (Hai triệu, hai trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003512, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Lương Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003515, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Ú tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003515, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.513.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003549, ngày 11/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Ánh T2 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003716, ngày 21/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Lê Thị B1 Ngân tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007321, ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Hoàn trả cho bà Thái Thị Thu V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003545, ngày 10/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

(Đã ký)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân